TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **13/2024/QĐST-HNGĐ**	*Quận X, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 576/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 692/21/5B ĐVB, Phường M, Quận X, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 692/21/5B ĐVB, Phường M, Quận X, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Lê Minh T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 92, Quyển số 01/2006 ngày 17/8/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X, Thành phố H*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Lê Minh T xác nhận ông bà có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 24/02/2003 (đã thành niên) và Lê Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 15/5/2009. Khi ly hôn, hai bên đương sự thỏa thuận giao trẻ Lê Nguyễn Kim Ng cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng Bà N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có.

2.3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0042712 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X. Bà Nguyễn Thị Cẩm N được nhận lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận X;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Quỳnh